

DU-GIÀ LUẬN KÝ

QUYỂN 2 (Phần Đầu)

BẢN LUẬN QUYỂN 4

Trong cảnh chín địa được chia làm ba. Hai địa trên nói về thể của cảnh rồi. Địa thứ ba có tầm, có tứ v.v... này là tướng của cảnh. Vì cảnh thô tế trên, dưới khác nhau, đây là ý sau:

Tầm là tìm kiếm, Tứ là dò xét. Hoặc tư, hoặc tuệ, tìm kiếm cảnh ở phần vị thô gọi là tầm. Tức hai thứ này đối với cảnh, quán sát thật kỹ càng phần vị, gọi là tứ. Không phải hai pháp tương ứng trong một sát-na, mà là một loại thô, tế, trước, sau khác nhau.

Nay, dựa vào pháp đó, với hai thứ “có” “không” này, để lập ra ba địa, đây gọi là giải thích danh.

Kiến lập thể của địa. Thích luận, có thuyết, thuyết đầu nói rằng ba địa này y theo hai thứ trước sau tương ứng để lập ra địa vô tâm; nói hai địa đầu, gọi là địa hữu tâm. Vì thế, nên biết được các pháp như sắc v.v... của địa dưới, đều gọi là địa không có tầm, không có tứ.

Thuyết thứ hai nói: “Ba thứ này được y cứ ở hai lìa dục để kiến lập. Trong quyển này đã lấy việc lìa nhiễm của tầm tứ, gọi là địa không có tầm, không có tứ. Cho nên, biết vì tùy thích hợp có nhiễm kia, nên gọi là địa sơ nhị.”

Thuyết thứ ba nói nghĩa đúng: “Ba thứ này chỉ y cứ giới, địa để kiến lập. Trong quyển này nói cõi Dục, và Sơ Tĩnh lự, hoặc định, hoặc sinh, gọi là địa v.v... có tầm, có tứ, cho nên biết chỉ dựa vào giới, địa để kiến lập, gạn phá nghĩa của Luận sư trước, đều không đúng.

Họp nhau để giảng cho rõ ràng về văn ấy, đều như thuyết kia.

Hỏi: Duy thức “Quyển bảy, ngài Hộ Pháp y cứ ở sự lìa dục để lập ba địa, giống như Thích luận đã bác bỏ nghĩa của hai sư, sao lại nói là họp nhau để giải thích? Nghĩa là Thích luận phá sư thứ hai rằng: “Người đã lìa dục, thì các pháp của địa dưới gọi là không có tầm, tứ v.v... người chưa lìa dục, thì các pháp của địa trên lẽ ra gọi là có tầm, tứ v.v...? Do

đó, nên trở thành lỗi lộn xộn.

Pháp sư Huyền Trắc lại giúp cho vấn đề: “Nếu dựa vào lìa dục, lập ra ba địa, thì trung gian, căn bản đồng trói buộc, đồng lìa, lẽ ra phải thành một địa? Là có lỗi lộn xộn.

Giải thích: “Ý luận tự có hai giải thích:

1) Ngài Hộ pháp đã áp dụng thuyết thứ hai để làm nghĩa đúng, mà không có hai lỗi. Địa dưới thua kém, phải theo sự vượt hơn của địa trên. Lìa nhiễm, gọi là không có tứ v.v... Sự vượt hơn của địa trên, đều lìa sự thua kém của địa dưới. Chưa ly nhiễm. Không phải từ v.v..., cho nên không có lỗi trước.

Lại nói: “Lìa dục có hai thời gian, nghĩa là gia hạnh và khi chính thức lìa này, dựa vào gia hạnh, để nói lời lìa dục. Vì thế nên trước lìa tâm, sau, lìa dục tứ, nên không có lỗi sau.

2) Luận Duy thức nói lời lìa dục, khác hẳn với lìa dục, khác hẳn với thích luận. Vì sao? Vì dục có hai thứ:

a) Phiền não dục, nghĩa là tham sân v.v...

b) Tự tánh dục, nghĩa là pháp của chín địa tùy theo nghĩa không nhằm nhau của tánh tự địa kia, nói là lìa dục. Tùy theo sự thích ứng của tánh tất cả các pháp ở địa trên mà nhằm chán nghĩa địa dưới nói lìa dục.

Quyển năm mươi sáu nói: “Do hữu tình kia đối với các tâm, tứ do tánh lìa dục mà lìa dục địa kia, dù gọi là không có tâm, không có tứ. Vì đây là hiện hành sau, nên cũng không có lỗi.

Thích luận sư thứ hai vì dựa vào sự lìa dục phiền não, nên phạm phải hai lỗi trước.

Nghĩa đúng của luận Duy thức vì dựa vào sự lìa dục tự tánh mà nói, nên không có hai lỗi.

Y cứ trong địa này, đại văn chia làm ba:

1) Hỏi.

2) Đáp sơ lược.

3) “Thế nào là giới bày ra kiến lập v.v...” trở xuống, là giải thích riêng về phần nêu ở trước. Nhưng tìm kiếm ở thế văn trên, dưới, có ba thứ tụng:

1) Tụng chung: Là chia Đại chương thành chung, riêng.

2) Bài tụng trong đây, nhắc lại chương môn ở trước, sau là nêu bày kỹ hơn.

Lại, nói nêu bày, giải thích xong, tức dùng một bài tụng để gồm thâu lại nghĩa trước. Cũng gọi là trung tụng.

3) Hậu tụng, giải thích nghĩa các môn, đều dùng một bài tụng để thâm kết lại. Trong năm môn giải thích riêng, giải thích giới môn đầu có ba. Đầu tiên là hỏi, kế là đáp tám môn, sau là tùy giải thích riêng.

Trong kiến lập số thứ nhất chia làm hai: Trước là nêu giới đạo, không phải giới đạo. Sau, là “cõi Dục trong đây v.v...” trở xuống là giải thích riêng ba địa.

Giới thuộc chẳng phải đạo, cho đến giới vô lậu.

Cảnh sư giải thích: “Nghĩa là phương tiện đạo; tư lương đạo; kiến. Tu rất ráo.

Các đạo như thế có thể hướng đến Niết-bàn, thuộc về đạo đế, nên gọi là Phương tiện.

Tát-ca-da kiến, gọi là thân giả dối, tức năm uẩn nhiễm, được đoạn đối trừ, là trạch diệt kia và lý chân như diệt.

Nói giới không có hí luận: Nghĩa là hạt giống vô lậu không đồng với danh ngôn, hạt giống hí luận.

Pháp sư Khuy Cơ lại giải thích: “Giới vô lậu không có hí luận, nghĩa là tánh chân như lìa phân biệt, vì thể vô lậu.

Hoặc định hoặc sinh: Nghĩa là hoặc được định kia, hoặc sinh trong định đó. Ở đây, vì đạo lý lìa dục tầm tứ, nên nói là địa v.v... không có tầm, tứ.

Sư thứ hai của Thích Luận đã dẫn địa không có tầm tứ để làm chứng: “cõi Dục chưa lìa nhiễm của tầm tứ. Các pháp của sơ định là giả, gọi là địa có tầm tứ. Các pháp của tĩnh lự trung gian là giả, nghĩa là đã lìa nhiễm của tầm, chưa lìa nhiễm của tứ, gọi là địa không có tầm, chỉ có tứ.

Các pháp của hai định trở lên là giả, nghĩa là đều đã lìa nhiễm, đều gọi là địa không có tầm, không có tứ, tức chứng tỏ sự khác nhau của giáo hóa, dẫn đạo của cõi Dục.

Nếu đã lìa dục, cũng gọi là địa, không có tầm, không có tứ, mà thật ra về nghĩa thì không đúng. Vì ba thứ này chỉ nương tựa ở giới, địa mà kiến lập. Nghĩa là các pháp hữu lậu, vô lậu của Sơ định cõi Dục, tầm tứ trong nhóm có thể được.

Pháp đã lìa dục, chưa lìa dục, đều gọi là địa kia đã dẫn.

Tiếp theo, văn trên là chứng, không do có nhiễm, thì gọi là địa kia, nếu đã lìa nhiễm, thì gọi là không phải địa kia. Nếu khởi lên sự hiểu biết này, thì tức là rất lẫn lộn. Cho nên luận nói rằng: “Nếu giới vô lậu thuộc về định hữu vi, thì sơ tĩnh lự cũng gọi là địa v.v... có tầm, có tứ. Nếu y cứ ở tương ưng và lìa dục, để, lập ba địa riêng thì các văn

này đều có lỗi (rộng như Thích luận nói).

Luận này nói: “Do vì lìa dục tâm, tứ, nhưng chỉ nói hai định kia trở lên không có tâm, không có tứ, một địa hữu lậu, Vô lậu, đều vì định ấy lìa nhiệm của tâm tứ, nên là địa dưới là không đúng, vì không được lấy sự có nhiệm cho là địa kia, nên không có nhiệm tức là không đúng, cho nên chỉ nói là hai định trở lên.

Do đây không nói là hai địa dưới tùy theo lìa nhiệm của tâm, tứ ấy, tức chẳng phải địa kia.

Tác ý của giáo hóa dẫn dắt, nghĩa là ở cõi Dục, trụ ở tâm vô tướng, vì không có tâm, tứ. Xuất định kia, nghĩa là thân ở cõi Dục, đã lìa Sơ định, sắp nhập định không có tâm, tứ. Về sau, khi xuất định, lại khởi tâm tứ.

Sinh định kia, nghĩa là nếu sinh hai định v.v..., cũng khởi tâm tứ của địa dưới. Nếu giới vô lậu đều thuộc về định hữu vi thì như dựa vào sơ định khởi trí vô phân biệt này, duyên với cảnh chân như, cũng gọi là trí của địa có tâm và tứ, do nương tựa tâm tứ mà khởi trí này không do tâm từ tướng, giác, vì chỉ phân biệt, cho nên vị này không thể nói năng. Nếu dựa vào sơ định khởi trí hậu đắc, vì chúng sinh nói pháp, tức tương ứng với tâm, tứ. Nếu không có tâm tứ, thì không thể khởi giới, khởi lời nói thuyết pháp. Cho nên luận Hiển Dương, quyển thứ nhất chép: “Đấng Bạc-gia-phạm nói: Vì dựa vào tâm, tứ nên phát ra lời nói, chẳng phải không có tâm tứ.

Lại, luận Thập Địa chép: “Vì sao người tịnh, giác lại có công đức của trí niệm đầy đủ hơn so với địa mầu nhiệm có năng lực không giải thích?

Trong văn xuôi giải thích: “Tịnh giác tức là khởi lên nhân của lời nói.

Còn lại như trước đã nói: Tứ trên đến đây, vì phân biệt lìa dục tâm, tứ, nên nói là không có địa tâm tứ, không do tâm của địa không hành (hoạt động) có tâm, có tứ, mà gọi là không có tâm tứ thì biết chưa lìa dục tâm, tứ, nên gọi là địa có tâm có tứ. Không do tâm không hoạt động, không có tâm không có tứ v.v..., cho nên nói là địa không có tâm, có tứ.

Trong nơi chốn thứ hai, nói từ đây trở xuống, ba muôn hai ngàn du-thiện-na, mới đến địa ngục Đẳng Hoạt, Pháp sư Khuy Cơ giải thích: ý văn này nói dưới đất bằng ba muôn hai ngàn du-thiện-na mới đến địa ngục Đẳng Hoạt, địa ngục. Đẳng hoạt rộng mười ngàn Du-thiện-na. Kế dưới, quá bốn ngàn du-thiện-na, mới đến địa ngục hắc thằng. Dưới địa

ngục Hắc Thăng hai ngàn du-thiện-na, mới đến địa ngục chúng hợp.

Tám na-lạc-ca như thế đều rộng mười ngàn. Sáu địa ngục dưới đều cách nhau hai ngàn, đáy địa ngục Vô Gian cách mặt đất bằng, mười hai muôn, tám ngàn du-thiện-na.

Núi Tô-Mê-Lô chìm trong nước tám muôn, núi này hơn địa ngục kia bốn muôn tám ngàn. Du-thiện-na. Do đó, biết chuẩn xác tám địa ngục nóng sâu hơn Câu-xá.

Thuyết kia nói đáy vô gian cách đất bằng bốn muôn Du-thiện-na. Thuyết đó nói thủy luân dù độ sâu tám ức, nhưng dựa trên phong luân, kim luân còn dày hơn ba ức hai muôn ở trên thủy luân, nên núi diệu cao y cứ theo kim luân.

Ở đây, Đại thừa cho rằng kim luân ở dưới nước, kể đó, y cứ vào kim luân. Nước ở trên kim luân, dù không nói sâu bao nhiêu nhưng đáy vô gian đã tính đến mười hai muôn tám ngàn Du-thiện-na, Diệu cao ngập trong nước chỉ nói tám muôn, nên biết rõ Diệu cao không y cứ ở kim luân, nửa trên, nửa dưới, đứng sừng sững trong nước.

Pháp sư bị giải thích: “Nay dựa theo luận này, theo độ cao do-tuần của tám địa ngục trên, mỗi địa ngục đều có bốn ngàn. Vì thế từ châu này đến phía trên địa ngục Đẳng Hoạt, có ba muôn hai ngàn do-tuần. Phía dưới địa ngục, tự y cứ về số đo có bốn ngàn do-tuần, bảy địa ngục còn lại hướng về phía dưới mà trụ, mỗi địa ngục đều y cứ bốn ngàn. Đại khái, tám cái, bốn ngàn đều hợp lại thành ba muôn hai ngàn do-tuần. Đẳng hoạt hướng về phía trên, còn có ba muôn hai ngàn do-tuần, hợp lại có sáu muôn, bốn ngàn do-tuần, cũng có hai muôn sáu ngàn do-tuần, không đến kim địa.

Đoạn văn trên đây chỉ nói là các địa ngục rộng mười ngàn do-tuần, không nói số đo về chiều dọc, mỗi địa ngục đều có bốn ngàn. Cho nên chiều dọc của mỗi địa ngục đều đo được bốn ngàn, rộng mười ngàn. Tám ngục trên dưới đứng sừng sững chồng chất chất lên nhau.

Lại giải thích: “Luận sư đã lập ra chiều rộng đo được mười ngàn, tức biết số đo về chiều cao, cũng đều mười ngàn do-tuần, dựa vào đây mà nói.

Từ dưới mặt đất bằng này, đi sâu vào hơn ba muôn, hai ngàn do-tuần thì đến địa ngục Đẳng Hoạt. Ngục Đẳng Hoạt, rộng mỗi bề mười ngàn. Mười ngàn trở xuống, lại cách bốn ngàn, có bảy ngục khác đứng vắt ngang. Không được so sánh trên, dưới để an bài địa ngục kế tiếp. Vì sao? Vì từ đất bằng, hướng đến lớp kim địa, chỉ sâu tám muôn. Từ trên hướng xuống dưới, đã trừ ba muôn hai ngàn, mới có tám ngục, chỉ có

tám muôn bốn ngàn do-tuần, thì làm sao trên dưới được tiếp nhận tám ngục, mỗi ngục cao muôn do-tuần. Như Đẳng Hoạt cũng thế.

Pháp sư Thái nói: “Kheo Tát-Bà-Đa, Tám địa ngục này ở bên cạnh tám địa ngục nóng, không có chỗ riêng”.

Chánh Lượng Bộ nói: “Ở núi thiết Vi, đến phong luân, thủy luân không có ánh sáng mặt trời, mặt trăng, khí lạnh xông lên.”

Pháp sư Bị nói: “Lại, từ dưới đất bằng, qua ba muôn ba ngàn đo, có ngục lạnh đầu tiên. Từ ngục lạnh này, lại cách hai ngàn do-tuần, có bảy địa ngục đều cao hai ngàn do-tuần, mỗi địa ngục đều có hai lớp trên, dưới như nhau.”

Lại giải thích: “Tám địa ngục lạnh cao, rộng đều mười ngàn. Từ tám ngục lạnh này đi sâu vào đất, vượt qua ba muôn hai ngàn do-tuần, có ngục lạnh đầu tiên. Phía dưới lại cách hai ngàn do-tuần, có bảy ngục lạnh đứng cạnh chung quanh. Ba ngục như đốt cháy v.v... có phần ít, phần nhiều, toàn phần khác nhau. Một nhóm, nghĩa là không thấy hình dung chỉ thấy một đồng lửa.

Nói về trong xứ cõi Sắc, nói về tu thiên có ba.

1) Chỉ hữu lậu huân tập bốn định của địa dưới.

2) Chỉ biến dịch sinh tử từ Bát địa vô lậu trở lên.

3) Hữu lậu, vô lậu, như nghiệp của ngũ Tịnh cư, là địa vị phạm tạo nên. Do nay, vô lậu giúp định hữu lậu, lại vì giúp đỡ nên nghiệp khiến vượt hơn, sinh lên trên.

Lại nói có người vượt qua tịnh cung, đến được sinh trong đó.

Luận sư Cảnh nói: “Như trời Tha Hóa Tự Tại, còn có cung Ma-la Thiên, tức nói xứ sở cao đẹp. Nhưng thuộc về trời tha Hoá tự tại. Nay trên trời Ngũ Tịnh cư, nói ngay, còn có trú xứ của trời Đại Tự tại, vượt qua cung Tịnh cư, Bồ-tát Thập địa được sinh lẽ đó, không nói thuộc về trời Cứu Cánh, biết rõ chẳng thuộc về Địa.”

Pháp Khuy Cơ sư nói: “Ngay địa vị phạm phu đã tạo nghiệp cõi trời Quảng Quả, sắp vào Địa thứ tám, sinh lên trời quảng quả, vô lậu huân tập cùng tốt, giúp cho địa đó lúc trước, nghiệp báo sau. Đến tâm viên mãn của đệ Thập địa mới sinh vào địa kia.”

Kinh Hoa Nghiêm chép: “Lợi ích của hiện báo, vì tiếp nhận địa vị Phật, nên lợi ích của báo sau, sinh lên xứ của Ma-hê-thủ-la trí.”

Nói sinh ở đây là do luyện quả thô trở nên thù thắng, vì được mầu nhiệm nên gọi là Sinh, chứ không phải tâm vô lậu có lý mạng chung, thọ sinh.

Cõi Vô Sắc có bốn nơi, nghĩa là báo của bốn uẩn, mạng sống lâu

của bốn Không dài, ngắn không đồng.

Hoặc không có nơi chốn, nghĩa không có cung riêng, vì địa trên địa dưới so le.

Phần thứ ba, trong số đo của hữu tình: số đo của thân ở Tây, bắc lại càng cao lớn. Bài tụng Câu-xá chép:

*“Số đo của người châu Thiện bộ,
Ba khuỷu tay rưỡi, bốn khuỷu,
Người châu Đông, Tây, Bắc,
Tặng giúp bội như thứ lớp”.*

Thuyết kia nói: “Châu này hoặc ba khuỷu tay rưỡi, bốn khuỷu; châu phía đông. Tám khuỷu; châu phía Tây, mười sáu khuỷu, Châu phía Bắc ba mươi hai khuỷu.

Ở đây nói càng lớn không nói tăng gấp bội, vì không nhất định. Tam thập thiên tăng một tíc, nghĩa là chia ra một Câu-lô-xá là một trong bốn phần, lại chia làm bốn phần, vì tăng thêm một phần này nên nói là một tíc.”

Pháp sư Khuy Cơ nói: “Lại có một giải thích, nói một tíc, tức Câu-lô-xá chia làm bốn phần: Trong một phần lại chia làm ba tíc, vì một phần trong hai tíc này nên nói là một tíc, tức biết rõ thân của Tíc thiên nữa Câu-lô-xá, dư nữa phần, trời hóa lạc thân cao ba phần trong một câu-lô-xá, trời Tha Hóa thân cao ba phần rưỡi khác giảm một câu-lô-xá, không đồng với Câu-xá nói. Luận Câu-xá nói: “Dục thiên, bốn phần Câu-lô-xá, mỗi phần đều tăng. Nhưng vì thời phần nghiệp quả của bờ mé không của trời, đất khó vượt hơn, nên đồng với Đế-thích.

Nay, giải thích: “Đế-thích ở đỉnh địa cư, cảm báo thù thắng, có thể kịp thời phần.

Hỏi: “Vì sao thọ lượng của các tầng trời cõi dục tăng gấp bội mà thân thì không như thế.?”

Đáp: “Từ tuổi thọ của con người là điều rất hy vọng, thân thì không như .”

Lại giải thích: “Số đo của thân do bề ngoài cũng có nhiều khác tho, diệu v.v..., có được, mất lẫn nhau, về phía tuổi thọ do bề ngoài lại không có công năng khác, cho nên hoàn toàn tăng gấp bội.

Số đo của thân người ở các tầng trời cõi Sắc, đồng với Tạp Tâm nói.

Số đo của thân Đại Phạm không gấp bội lợi ích trước, nghĩa là do tìm kiếm nghiệp quả của đời “Có”, “không”, khó vượt hơn.

Vô vân giảm ba, nghĩa là vì lìa biến dị, thọ định khó tu. Thân của

ba đường ác lớn, nhỏ không nhất định, tùy nghiệp tăng thành thân lớn, nhỏ, thì biết được số đo của thân chúng sinh trong ngục vô gián chưa chắc là tám muôn. Nhưng có kinh luận nói: “Số đo khắp ngục.” Là y cứ ở số lớn nhất mà nói.

Trong kiến lập tuổi thọ thứ tư. Mạng sống lâu của cõi Vô Sắc có gấp bội, không gấp bội, như Bà-Sa quyển tám mươi bốn nói: “Hỏi: vì sao thọ lượng của Vô Sắc có tăng gấp bội, có tăng phân nửa, có tăng phần ít?”

Đáp: Như nhân Dị thực có sức ngăn ấy, lại tiếp nhận quả Dị thực ngăn ấy. Lại nữa, không thức vô biên xứ có vô biên hành tướng, cũng có hành tướng khác nhau, nghĩa là vô biên hành tướng của Không vô biên xứ chiêu cảm tuổi thọ sống lâu muôn kiếp. Hành tướng của hành khác, cũng chiêu cảm tuổi thọ muôn kiếp. Vô biên hành tướng của thức vô biên xứ chiêu cảm tuổi thọ hai muôn kiếp, hành tướng khác cũng chiêu cảm tuổi thọ hai muôn kiếp.

Trên đây còn vô biên hành tướng vì chỉ có hành tướng khác, nên số tuổi thọ của người ở xứ đó không tăng gấp bội so với người ở xứ dưới. Nhưng Vô sở hữu xứ lại có quán hạnh thiện riêng vượt hơn, dẹp bỏ, chế phục ngã, ngã sở v.v..., khác hẳn với địa khác. Do thiện đó chiêu cảm tuổi thọ hai muôn kiếp. Hành tướng khác được chiêu cảm, số tuổi thọ cũng tăng gấp bội bội.

Lại nữa, không, thức Vô biên xứ có Xa-ma-tha, Tỳ bát xá na, nghĩa là Xa-ma-tha của không xứ chiêu cảm tuổi thọ muôn kiếp; Tỳ-bát-xá-na cũng chiêu cảm tuổi thọ muôn kiếp. Hai hành của thức xứ đều chiêu cảm tuổi thọ hai muôn kiếp.

Trên đây không có tuệ vượt hơn, chỉ có định, nên số tuổi thọ của xứ kia không tăng gấp bội so với xứ dưới. Xứ khác như trước đã nói.

Lại nữa, bốn địa Vô Sắc đều không có nhiều thứ công đức, nên hai địa đồng có hai muôn tuổi thọ.

Ba Vô Sắc ở trên lìa nhiễm của địa dưới, vì có ít, nên tuổi thọ được tăng gấp bội bội. Nghĩa là thức, xứ đã lìa nhiễm của một địa Vô Sắc cõi dưới, chiêu cảm bốn tuổi thọ muôn kiếp, và hai muôn gốc thành bốn muôn kiếp. Vô Sở Hữu xứ đã lìa nhiễm của hai địa Vô Sắc dưới, chiêu cảm bốn tuổi thọ muôn kiếp, cộng với hai muôn gốc, thành sáu muôn kiếp. Phi tưởng xứ đã lìa nhiễm của ba địa Vô Sắc, chiêu cảm sáu tuổi thọ muôn kiếp, cộng với hai muôn gốc thành tám muôn kiếp. Trừ châu Câu-lô ở phía Bắc tất cả xứ khác, đều có người trung yếu.

Hoặc theo thuyết của Tiểu thừa nói: “Tất cả ba cõi đều có trung

yếu, chỉ trừ Uất-Đơn-Việt, trời vô tướng và Bồ-tát thân sau cùng”.

Nay, văn luận này dù không nói Bồ-tát thân sau cùng không có việc trung, yếu, nhưng về mặt lý tất nhiên phải có. Cho nên, văn dưới đây nói: “Chẳng phải tự hại, chẳng phải hại người, tất cả na-lạc-ca, cho đến Bồ-tát trụ thân sau cùng, nhưng Bồ-tát với thân sau cùng của Đại thừa, phần nhiều y cứ ở tướng hóa thân, chứ phải thật là thân sau. Nếu y cứ theo thật thì từ Sơ địa trở lên, tức không có trung yếu? Cho nên, biết được văn dưới đây nói là thân sau của Bồ-tát kia không có trung yếu, đó là quyền, chứ chẳng phải thật. Chính vì thế, ở đây không nói.

Trời Vô Tướng, theo thuyết của Quyết trạch nói, có ba thứ:

- a) Nếu nhân dưới cảm, nhất định là trung yếu.
- b) Nếu nghiệp giữa cảm, hoặc có trung yếu, hoặc không có trung yếu.
- c) Nếu nghiệp trên cảm, thì sẽ không có trung, yếu.

Vì có sự tiến lùi này, nên ở đây không nói. Do người Châu Câu-lô ở phía Bắc, tất cả đều tu nghiệp nhân không có ngã sở, nên được quả quyết định không có trung yếu, vì thế ở đây nói riêng.

Thứ năm, trong thọ dụng được chia làm hai:

- 1) Nêu ba môn.
- 2) Tùy theo giải thích riêng.

Trong giải thích riêng, trước là nói về thọ dụng khổ, vui, văn chia làm bốn:

- 1) Nói về bốn thọ khổ.
- 2) “Lại, trong bốn thứ na-lạc-ca không có lạc thọ v.v...” trở xuống, là nói về lạc thọ.
- 3) “Lại, vì sáu thứ thù thắng, nên khổ vui thù thắng v.v...” trở xuống, nói là chung về sự khác nhau hơn, kém về khổ, vui.
- 4) “Lại nữa, đối tượng nương tựa của hữu tình trong ba cõi là dựa vào thân...” trở xuống, là khuyên nhằm chán ba cõi, ưa mong cầu vô lậu.

Trong thọ khổ lại chia làm hai:

- 1) Nói về khổ của ba cõi.
- 2) Nói về vô lậu chẳng phải khổ.

Trong phần một lại có hai:

- a) Nói về nỗi khổ của cõi Dục.
- b) Nói về khổ của cõi Sắc, Vô Sắc.

Trong cõi dục chia làm hai:

- a) Nói sơ lược về khổ trong năm đường.

b) “Lại đối với Đẳng Hoạt v.v...” trở xuống, là nói rộng về khổ trong năm đường.

Theo phần nói rộng, trước hết là nói về khổ địa ngục, văn chia làm bốn:

- 1) Giải thích về Đại na-lạc-ca
- 2) Cận Biên.
- 3) Ngục lạnh.
- 4) Ngục cô độc.

Trong cận biên, Nương-Đoản-Tra, Hán dịch là Phần niêu trùng, vì mở như cây kim, nên gọi là châm khâu xuất, thân một thước, mình trắng đầu đen. Trùng này và các loài chó, chim, ngục tốt v.v... không đồng. Sư Tát-bà-đa, kinh bộ Đại thừa nói là phi tình, nhưng có chút khác nhau. Sư thượng tọa bộ nói là loại hữu tình. Thiết-lạp-mạt-lê, hình dáng như thân cây tạo giáp (bồ kết), thân hình cây đa số có nhiều gai nhọn.

Địa ngục chỉ ở phía dưới châu này, nếu hai châu còn lại cắt đứt điều thiện, gây tạo nghiệp Vô gián, thì sẽ đến địa ngục này để chịu khổ.”

Luận Bà-Sa nói: “Ba châu đều có biên địa ngục và một địa ngục đơn độc”.

Có thuyết nói: “Hai châu có hai địa ngục này, không phải châu ở phía bắc, vì xứ tịnh, lạc, cát tường là các Mạn-thù-thất-lợi”.

Vị Tô-Đà : Trên cõi có cây tuôn ra bốn vị thức ăn, gọi là tô-đà, cái gọi là sắc xanh, vàng, đỏ, trắng.

Cõi Vô Sắc vì có phiền não, vì có chướng nên đồng.

Pháp sư Khuy Cơ nói: “vì có phiền não, nên chết không tự tại, còn có chết. Do có chướng, tức trời trường thọ, vì khó nên đối với trụ chánh pháp không tự tại.”

Nay giải thích: “Y cứ theo hoặc, nghiệp, báo để làm rõ nghĩa khám nhiệm”.

Từ đây trở xuống, là nói trong thọ vui, được chia làm ba. Vì ba cõi khác nhau, nên trước hết ở quyển này, hai thứ sau ở thứ năm, tám ngục nóng, tám ngục lạnh, một cận biên riêng, trong bốn địa ngục không có lạc thọ, nghĩa là không có Dị thực lạc và đẳng lưu lạc.

Ba thứ nạ quỷ cũng thế, nghĩa là ở trên đều nói do thức uống ăn v.v... chướng ngại bên ngoài.

Quyết Trạch nói: “Trong địa ngục này không có niềm vui, chỉ nói ba thứ quỷ”. Quyết Trạch thì nói một phần bàng sinh, cũng gọi là thuần khổ. Bàng sinh dù thật sự như vậy, vẫn không có tướng khác để nêu

lược qua không nói.

Nhiếp luận của ngài Thế Thân chép: “Có Đẳng lưu lạc”. Duy Thức Đệ ngũ hội chép: “Nên biết bàng sinh kia theo lý tùy chuyển mà nói, tùy theo thuyết của Tát-bà-đa v.v... nói, hoặc thuyết kia nói chung về chỗ tạp thọ còn lại, vì không có Dị thực lạc, nên gọi là thuần khổ.

Châu luân trong bảy báu là phi tình, năm báu còn lại là tình. Hai báu châu luân là sở hữu của Thiên đế. Phía dưới ứng với Luân vương. Voi báu, tức là một con trong năm trăm con của Long vương Thiện Trụ trong hông của phi thiên ở trước. Ngựa báu cũng là long mã của Thiên đế. Người nữ và hai vị quan cũng đều là thần thiếp của thiên đế. Sau khi giáo hóa xong, Luân vương mất trở về trời. Ba luân vương còn lại dù đều ứng bạc, đồng, thiếc khác nhau. Nhưng cũng không có báu khác.

Châu phía Bắc quyết định tinh tấn vượt hơn. Nghĩa là người châu ấy nhất định có người sinh lên cõi trời theo vô ngã quán của nghiệp báo sau, vì trước kia tu mười Thiện nghiệp”.

Có chỗ nói: “Người kia có nghiệp báo sau, nhất định sẽ đọa vào loài quỷ.
